

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 37 /2018/DSST
Ngày: 25/ 12/ 2018
(V/v tranh chấp di sản
thừa kế là quyền sử dụng đất)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện, ông Bùi Thế Hanh.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận - Thư ký TAND huyện Hiệp Hòa
Đại diện VKSND H. Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Trong ngày 21/ 12/ 2018, ngày 25/ 12/ 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/TLST- DS ngày 27/12/ 2016.về việc "T/c di sản thừa kế là quyền sử dụng đất ".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/ 2018/QĐST-DS ngày 19/ 3/ 2018 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B- SN 1950(Có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền: Anh Chu Bá T- SN 1984(Có mặt)

2 - Bị đơn: Anh Chu Bá H - SN 1972(Có mặt)

Cùng cư trú: Thôn TH L, xã ng Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Chu Bá T- SN 1984(Có mặt), anh Chu Bá H- SN 1974(Vắng mặt), chị Đỗ Thị Nh- SN 1978(Có mặt), chị Đỗ Thị S- SN 1974(Có mặt), chị Nguyễn Thị Hằng- SN 1989 (Người đại diện theo ủy quyền: Anh Chu Bá T- SN 1984(Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- UBND xã Ng Đình, H.Hiệp Hòa, tỉnh Bắc giang : Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Huy H -Chủ tịch UBND xã: (Vắng mặt).

- UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc giang: Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Th- Chủ tịch UBND huyện (Vắng mặt)

NHẬN THẤY

I/ Tại đơn khởi kiện ngày 29/ 11/ 2016, bản tự khai , biên bản đối chất , nguyên đơn là bà Hoàng Thị B trình bày: Bà B và ông Chu Bá Phượng kết hôn năm 1971 và chung sống với nhau, vợ chồng có 03 con chung là Chu Bá H- SN 1972, Chu Bá H- SN 1974,

Chu Bá T- SN 1984. Quá trình chung sống vợ chồng bà B , ông Phụng tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất 1.668m² đất canh tác và thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, diện tích 800m² đất ở , đất vườn (Nay là thửa 663, diện tích 831,2m²) ,đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 015295 ngày 26/ 6/ 2001 mang tên hộ ông Chu Bá Phụng ở thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa. Năm 2001, ông Phụng, bà B đã xây 01 căn nhà 05 gian trên đất sinh sống đến nay. Năm 2010, bà B, ông Phụng đồng ý cho anh H sử dụng thửa 993, diện tích 181,8m²; cho anh H sử dụng thửa 966, diện tích 281,6 m²; cho anh T sử dụng thửa 967, diện tích 197,5 m²(Số thửa và diện tích xác định theo kết quả thẩm định). Năm 2012 ông Phụng chết không để lại di chúc. Sau khi ông Phụng chết, anh H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B, ông Phụng từ đó đến nay. Hiện nay anh H, anh H và anh T đều đã xây nhà trên diện tích đất trên, bà B hiện đang sinh sống tại căn nhà 05 gian của vợ chồng xây dựng. Do trong quá trình sinh sống gia đình có mâu thuẫn không giải quyết được nên bà B yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế diện tích 800m² đất ở , đất vườn và 460m² đất canh tác tại thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa.

Ngày 24/ 7/ 2017 và tại phiên tòa, bà B và Người đại diện theo ủy quyền là anh Chu Bá T rút yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế 460m² đất canh tác tại thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa.

Tại phiên tòa bà B chỉ yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất đối với các anh H , H ,T. Về hiện nay diện tích thực tế thửa 663 là 831,2 m², bà B đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật nH yêu cầu được quyền sử dụng các thửa 992, diện tích 99,8m² và nhà cấp 4 gắn liền đất và thửa số 969, diện tích 60,2 m², tổng diện tích 02 thửa là 160m² như hiện trạng ; đồng thời đồng ý chia anh H tiếp tục sử dụng thửa 966, diện tích 281,6 m² và toàn bộ tài sản gắn liền đất như hiện trạng ; cho anh T tiếp tục sử dụng thửa 967, diện tích 197,5 m²; đồng ý để thửa 968, diện tích 51,4m² là lối đi chung của các hộ bà B, anh H, anh H và anh T như kết quả thẩm định ngày 08/ 11/ 2017(Sơ đồ ngày 01/ 11/ 2018).

Về yêu cầu của anh H tại phiên tòa : Bà B đồng ý chia anh H quyền sử dụng thửa 993, diện tích 181,8m² và toàn bộ tài sản gắn liền đất như hiện trạng ; không đồng ý chia cho anh H quyền sử dụng các thửa 992 và 993, tổng diện tích 281,6 m² do lúc ông Phụng còn sống thì vợ chồng bà chỉ cho anh H quyền sử dụng thửa 993, không chuyển nhượng, tặng cho anh H các thửa 992 và 993, tổng diện tích 281,6 m² như anh H trình bày.

Về tiền chi phí định giá tài sản : Bà B tự nguyện chịu , không yêu cầu gì.

II/ Bị đơn là anh Chu Bá H tại bản tự khai , biên bản ghi lời khai , biên bản đối chất và tại phiên tòa trình bày: Về thửa đất số 663, diện tích 800m² tại thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa có nguồn gốc là của ông Phụng, bà B. Năm 2001 thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Chu Bá Phụng; ông Phụng, bà B đã xây 01 căn nhà 05 gian trên đất sử dụng ổn định đến nay. Từ khi ông Phụng còn sống thì ông Phụng, bà B đã tặng cho anh H các thửa 992 và 993, tổng diện tích 281,6 m². Việc tặng cho chỉ bằng miệng không có giấy tờ , văn bản gì khác. Do vậy vợ chồng anh H đã làm nhà 03 tầng trên diện tích đất trên và hiện tại đang sinh sống tại thửa đất theo sơ đồ thẩm định là thửa 993, diện tích 181,8m². Do vậy bà B yêu cầu được quyền sử dụng các thửa 992, diện tích 99,8m² và nhà cấp 4 gắn liền đất và thửa số 969, diện tích 60,2 m², tổng diện tích 02 thửa là 160m² thì anh H

không đồng ý. Anh H chỉ đồng ý chia cho bà B quyền sử dụng thửa số 969, diện tích 60,2 m². Anh H cũng đề nghị Tòa án chỉ giải quyết di sản là quyền sử dụng đất, không giải quyết các tài sản khác gắn liền đất và các vấn đề khác. Anh H yêu cầu được quyền sử dụng các thửa 992, diện tích 99,8m² và thửa 993, diện tích 181,8m², tổng diện tích là 281,6 m² do ông Phụng, bà B đã tặng cho anh H và anh H là con trai cả, sau này sẽ là người chăm sóc cho bà B. Nhà cấp 4 gắn liền thửa 992 thì để bà B sinh sống, khi nào bà B chết thì anh H dùng làm nhà thờ cúng tổ tiên.

Về yêu cầu của anh Chu Bá T và anh Chu Bá H : Anh H đồng ý giao anh T tiếp tục sử dụng thửa 967, diện tích 197,5 m² và toàn bộ tài sản gắn liền đất, giao anh H tiếp tục sử dụng thửa 966, diện tích 240,5 m² và toàn bộ tài sản gắn liền đất như hiện trạng do lúc ông Phụng còn sống đã chia 03 thửa trên cho 03 anh em H, H, T sử dụng riêng biệt; anh H cũng đồng ý để thửa 968, diện tích 51,4m² sử dụng làm lối đi chung của các hộ bà B, anh H, anh H và anh T như kết quả thẩm định ngày 08/ 11/ 2017.

Về các vấn đề khác anh H không yêu cầu gì.

III/ Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan trình bày :

1 - Anh Chu Bá T tại đơn yêu cầu ngày 25/ 4/ 2017 trình bày: Anh T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Chu Bá Phụng là quyền sử dụng diện tích 800m² đất ở, đất vườn và 460m² đất canh tác tại thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa.

Tại biên bản ngày 24/ 7/ 2017 và tại phiên tòa, anh T rút yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 460m² đất canh tác, đồng thời tại phiên tòa chỉ yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất, không giải quyết các tài sản khác gắn liền đất và các vấn đề khác. Về hiện nay diện tích thực tế thửa 663 là 831,2 m², anh T đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật nH yêu cầu tiếp tục được quyền sử dụng thửa 967, diện tích 197,5 m²; còn nhà lợp mái proxy măng do anh T tự xây dựng như hiện trạng không yêu cầu giải quyết; đồng thời đồng ý bà B được quyền sử dụng các thửa 992, diện tích 99,8m² và nhà cấp 4 gắn liền đất và thửa số 969, diện tích 60,2 m², tổng diện tích 02 thửa là 160m²; đồng ý anh H được tiếp tục quyền sử dụng thửa 966, diện tích 281,6 m² và toàn bộ tài sản gắn liền đất như hiện trạng; đồng ý anh H được quyền sử dụng thửa 993, diện tích 181,8m² và đồng ý để thửa 968, diện tích 51,4m² là lối đi chung của các hộ bà B, anh H, anh H và anh T như kết quả thẩm định ngày 08/ 11/ 2017. Anh T không đồng ý giao anh H quyền sử dụng các thửa 992, diện tích 99,8m² và thửa 993, diện tích 181,8m², tổng diện tích là 281,6 m².

2/ Anh Chu Bá H- SN 1974(Vắng mặt), tại biên bản ghi lời khai ngày 14/ 9/ 2018 trình bày : Về yêu cầu chia thừa kế của bà B và anh T thì anh H không ý kiến gì nH anh H yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa đất đang quản lý, sử dụng và toàn bộ tài sản gắn liền đất như hiện trạng do lúc ông Phụng còn sống đã chia 03 thửa cho 03 anh em H, H, T sử dụng riêng biệt và đã làm nhà trên diện tích đất bố mẹ đã cho, bà B có biết nH không ý kiến gì. Anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3/ Chị Nguyễn Thị Hằng- SN 1989 (Người đại diện theo ủy quyền là anh Chu Bá T) tại biên bản ghi lời khai ngày 03/ 5/ 2017 trình bày: Chị Hằng kết hôn với anh Chu Bá T năm 2006 sau đó về sinh sống trên thửa đất của ông Phụng, bà B; vợ chồng chị đã xây

dựng 01 nhà cấp 4 lợp proxy măng. Nay chị Hằng yêu cầu giao anh T được sử dụng diện tích đất được thừa kế, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

4 / Chị Đỗ Thị Nh- SN 1978 (Tên khác : Nhã) tại biên bản ghi lời khai ngày 14/ 9/ 2018 và tại phiên tòa trình bày: Chị Nh là vợ anh Chu Bá H, về nguồn gốc thửa đất tranh chấp tại thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa là do ông bà để lại cho ông Phụng và bà B . Năm 2000 thì ông Phụng đã cho anh H và anh T mỗi người một phần đất(Nay là thửa 966, diện tích 281,6 m² và thửa 967 diện tích 197,5 m²); năm 2011 cho anh H diện tích như hiện nay là các thửa 992 và 993. Từ đó 03 anh em H , H, T sử dụng riêng biệt và đã làm nhà trên diện tích đất bố mẹ đã cho, bà B có biết nh không ý kiến gì. Vợ chồng chị Nh anh H đã làm nhà 03 tầng trên diện tích đất và hiện tại đang sinh sống tại thửa đất trên. Do vậy chị Nh không đồng ý với yêu cầu của bà B. Chị Nh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản khác gắn liền đất và các vấn đề khác. Chị Nh yêu cầu giao vợ chồng chị Nh, anh H quyền sử dụng các thửa 992, diện tích 99,8m² và thửa 993, diện tích 181,8m², tổng diện tích là 281,6 m² , để bà B sinh sống tại nhà cấp 4 năm gian, khi nào bà B chết thì giao cho vợ chồng chị Nh, anh H để làm nơi thờ cúng tổ tiên

5 /Chị Đỗ Thị S- SN 1974 tại biên bản ghi lời khai ngày 02/ 11/ 2018 trình bày : Chị S và anh Chu Bá H đã ly hôn nên chị S không có quyền L gì, không yêu cầu gì về di sản của ông Phụng cũng như các vấn đề khác, tuy nhiên chị S đề nghị Tòa án giữ nguyên diện tích ông Phụng đã cho anh Chu Bá H đang sinh sống.

6/ Ủy ban nhân dân xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa tại biên bản xác nhận hộ khẩu xác nhận hộ bà Hoàng Thị B, ông Chu Bá Phụng (Chết năm 2012) gồm : Ông Chu Bá Phụng- SN 1947, bà Hoàng Thị B- SN 1950, các con là Chu Bá H – SN 1972, Chu Bá H- SN 1974 và Chu Bá T- SN 1984.

7/ Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa (Vắng mặt)- Đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn Th- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, tại Công văn số 2892/ UBND- TNMT ngày 25/ 12/ 2018 trình bày: Ngày 26/ 6/ 2001, ông Chu Bá Phụng được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 015295 đối với thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, diện tích 800m² đất ở , đất vườn ở thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa. Kể từ khi được cấp, hộ ông Phụng sử dụng đất ổn định, đúng ranh giới thửa đất, không tranh chấp với ai. Về diện tích thực tế chênh lệch so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 31,2m² được xử lý theo khoản 5, điều 98, luật Đất đai năm 2013, đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

IV/ Ngày 07/ 06/ 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện Hiệp Hòa đã tiến hành định giá quyền sử dụng đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 (Nay là thửa số 663, tờ bản đồ số 52) ở thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa, cụ thể như sau:
- Trị giá quyền sử dụng đất 750.000 đồng/ m².

Ngày 08/ 11/ 2017, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã tiến hành thẩm định quyền sử dụng đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 (Nay là thửa số 663, tờ bản đồ số 52): Diện tích sử dụng 831,2 m² đất ở và đất vườn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I/ Về thủ tục tố tụng thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị B và yêu cầu độc lập của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Bá T:

1-Về thẩm quyền giải quyết: Do quan hệ tranh chấp là di sản thừa kế quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại khoản 1, điều 203 - Luật đất đai năm 2015, điều 26- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2 -Về thời hiệu khởi kiện: Ông Chu Bá Phụng chết năm 2012 ; ngày 27/12/ 2016, bà B khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng 800m² đất ở và đất ruộng. Theo khoản 1, điều 623- Bộ luật dân sự năm 2015 thì : Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản.... kể từ thời điểm mở thừa kế nên yêu cầu khởi kiện của bà B và yêu cầu độc lập của anh T đều đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

Ngày 24/ 7/ 2017 và tại phiên tòa, bà B và anh T rút yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 460m² đất canh tác nên cần đình chỉ yêu cầu trên.

II/ Về di sản thừa kế: Đương sự đều trình bày nguồn gốc thửa đất do vợ chồng bà B, ông Phụng được bố mẹ để lại có diện tích 800m² ở thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Chu Bá Phụng; năm 2001, ông Phụng, bà B đã xây 01 căn nhà 05 gian trên đất sinh sống đến nay. Do vậy cần xác định quyền sử dụng 800m² đất vườn và đất ở (Hiện nay là 831,2m²) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Chu Bá Phụng và 01 căn nhà 05 gian gắn liền đất là tài sản chung của ông Phụng và bà B ; bà B và anh T yêu cầu chia quyền sử dụng 800m² nên di sản thừa kế của ông Phụng là quyền sử dụng 400m² đất vườn và đất ở và 01 căn nhà 05 gian gắn liền đất.Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất trên, không yêu cầu tài sản gắn liền đất.

Do ông Phụng chết không để lại di chúc, bố mẹ ông Phụng đều chết trước ông Phụng. Do vậy , căn cứ điều 613, điểm a, khoản1, điều 651- Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà B , anh H , anh H, anh T đều là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Phụng.

III/ Về chia di sản thừa kế : Việc chi phí chữa bệnh, đám tang cho ông Phụng cũng như việc quản lý di sản thừa kế các đương sự đều không yêu cầu nên không giải quyết.Tuy nhiên việc quản lý di sản thực tế các hộ bà B, anh H, anh H và anh T đều đã sinh sống riêng biệt và tự quản lý phần quyền sử dụng đất trong khối di sản thừa kế trên .

Do vậy, căn cứ khoản 2, điều 651- Bộ luật dân sự 2015 thì những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Do ông Phụng, bà B được quyền sử dụng 800m² đất nên xác định bà B được quyền sử dụng 400m², phần di sản tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Phụng là 400 m² đất nên cần chia 400m² cho 4 người là bà B , anh H , anh H, anh T mỗi người được nhận là 400m² : 4 = 100 m² (Trị giá 100 m² x 750.000 đồng/ m²= 75.000.000 đồng) . Do anh H yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa 966, diện tích 240,5m², không có ý kiến gì về yêu cầu chia di sản của các đương sự khác ; anh T yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa 967, diện tích 197,5m²; đồng thời bà B , anh H , anh T đều đồng ý giao anh H và anh T sử dụng diện tích đất đang quản lý sử dụng trên, do vậy cần giao anh H quản lý sử dụng thửa 966, diện tích 240,5m² , giao anh T quản lý sử dụng thửa 967, diện tích 197,5 m²; do bà B , anh H , anh T đều đồng ý sử

dụng thửa 968 , diện tích 51,4m², một chiều giáp đất anh H rộng 2,49m, chiều giáp ngõ lên đê rộng 2,5m làm lối đi chung của các hộ nên cần chấp nhận ý kiến trên của đương sự.

Xét yêu cầu của bà B đối với quyền sử dụng thửa 992 có diện tích 99,8m² và thửa 969 diện tích 60,2m² (Tổng cộng 160m²) và nhà cấp 4 gắn liền đất, ý kiến của bà B và anh T về việc chia cho anh H quyền sử dụng thửa 993, diện tích 181,8m² và yêu cầu của anh H đối với quyền sử dụng thửa 992 có diện tích 99,8m² và thửa 993 diện tích 181,8m²(Tổng cộng 281,6m²), Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù anh H trình bày bà B và ông Phụng đã cho anh H quyền sử dụng các thửa 992 và 993 nH không có di chúc hay tài liệu gì khác; mặt khác bà B không thừa nhận như anh H trình bày và không đồng ý cho anh H quyền sử dụng thửa 992 nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của anh H. Như vậy anh H được chia kỹ phần theo pháp luật là 100m², bà B được quyền sử dụng theo pháp luật là 400m² + 100m²= 500m² . Do vậy việc bà B và các đương sự đồng ý giao anh H sử dụng thửa 993 diện tích 181,8m² là vượt quá diện tích kỹ phần của anh H; đồng thời phần yêu cầu của bà B không vượt quá phần diện tích đất bà B được quyền sử dụng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà B đối với quyền sử dụng thửa 992 có diện tích 99,8m² và thửa 969 diện tích 60,2m² (Tổng cộng 160m²), nhà cấp 4 gắn liền thửa 992; giao anh H quyền sử dụng thửa 993 diện tích 181,8m² (Có sơ đồ kèm theo).

Do các đương sự không yêu cầu nên không chia tài sản trên đất là di sản thừa kế.

IV - Về chi phí định giá tài sản : Do bà B tự nguyện chịu nên cần chấp nhận.

V- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà B là người già, anh T thuộc hộ cận nghèo nên đều được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh H, anh H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng , việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật .

Đề nghị áp dụng các điều 26, 147, điều 227 , điều 228, điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; các điều 612, 613, khoản 1, điều 623 , điểm a, khoản 1 và khoản 2- điều 651 , khoản 2-Điều 676- Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1- điều 203 Luật đất đai năm 2015; Nghị quyết 326 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của bà B và anh T, anh H,

- Về án phí : Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm với bà B và anh T. Anh H , anh H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Căn cứ nội dung trên :

QUYẾT ĐỊNH

I/ Áp dụng điều 26, 147, điều 217, điều 218, điều 219, điều 227 , điều 228, điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; các điều 612, 613, khoản 1, điều 623 , điểm a, khoản 1 và khoản 2- điều 651 , khoản 2, điều 676- Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, điều 203- Luật đất đai năm 2015; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 về án phí lệ phí Tòa án:

II/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế của bà Hoàng Thị B và anh Chu Bá T đối với quyền sử dụng 460m² đất canh tác tại thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa.

III/ Chấp nhận yêu cầu của bà B và anh T:

1/ Xác định quyền sử dụng 800m² đất ở và vườn tại thửa số 0, tờ bản đồ số 0 (Hiện nay là thửa số 663, tờ bản đồ số 62, diện tích 831,2m², ký hiệu thửa là ABCD) ở thôn TH L, xã Ng Đình, huyện Hiệp Hòa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Chu Bá Phụng ngày 26/ 6/ 2001 là tài sản chung của bà Hoàng Thị B và ông Chu Bá Phụng, trong đó quyền sử dụng 400m² đất ở và vườn là di sản thừa kế của ông Chu Bá Phụng.

Giao bà Hoàng Thị B quyền sử dụng thửa 992 có diện tích 99,8m² (Ký hiệu BHGK, có các cạnh BH dài 9,06m; cạnh HG dài 11,48m; cạnh GK dài 9,06m; cạnh BK dài 10,76m) và thửa 969 diện tích 60,2m² (Ký hiệu DEFN có các cạnh ND dài 20,11m; cạnh DE dài 3,11m; cạnh EF dài 20,07m và cạnh FN dài 2,54m), tổng cộng 160m² và sở hữu 01 nhà cấp 4 gắn liền đất.

Giao anh Chu Bá H quyền sử dụng thửa 993 diện tích 181,8m² đất ở và vườn (Ký hiệu GHCN, có các cạnh CH dài 13,39m; cạnh HG dài 11,48m; cạnh GN dài 16,08m; cạnh NC dài 12,69m).

Giao anh Chu Bá H quyền sử dụng thửa đất số 966, diện tích 240,5m² (Ký hiệu ARLI, có các cạnh AR dài 20,64m; cạnh RL dài 10,94m; cạnh LI dài 21,47m; cạnh IA dài 11,57m).

Giao anh Chu Bá T quyền sử dụng thửa đất số 967, diện tích 197,5m² (Ký hiệu MLIK, có các cạnh ML dài 9,14m; cạnh LI dài 21,47m; cạnh IK dài 9,76m, cạnh KM dài 20,11m).

Xác định thửa 968, diện tích 51,4m² (Ký hiệu EFMR, có các cạnh EF dài 20,07m; cạnh FM dài 2,49m; cạnh MR dài 20,08m, cạnh RE dài 2,5m) được sử dụng làm lối đi chung của các hộ anh H, bà B, anh T và anh H (Có sơ đồ kèm theo).

2- Về chi phí định giá tài sản: Bà B tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản, xác nhận bà B đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản; các đương sự khác không pH chịu tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

3 -Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Hoàng Thị B và anh Chu Bá T. Hoàn trả bà B 8.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/ 0004985, ngày 27/12/ 2016, hoàn trả anh Chu Bá T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/ 0001574, ngày 25/ 4/ 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Anh Chu Bá H pH chịu 6.817.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Chu Bá H pH chịu 9.018.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có Quyết định thi hành án, người pH thi hành án dân sự pH chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Người pH thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND T, BG
- VKSNDH. Hiệp Hòa
- THADSH. Hiệp Hòa,
- Dương sự
- UBND xã Ng Đình.
- Lưu

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên